

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Văn Quảng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1981;
Địa chỉ: làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Hồ Đức L, sinh năm 1978;
Địa chỉ: làng B, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13-4-2018, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hoài Th và anh Hồ Đức L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 10-02-2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai. Trước đây chị Th và anh L đăng ký thường trú và sinh sống ở làng D, xã O, huyện G, đến ngày 13-7-2017 thì chuyển hộ khẩu thường trú đến làng B, xã D, huyện G. Trong quá trình chung sống giữa chị Th và anh L nảy

sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh L không tin tưởng chị Th, anh L hay uống rượu, luôn nghi ngờ, thường xuyên mắng chửi, xúc phạm vợ con, sử dụng bạo lực với chị Th. Chị Th đã nhiều lần nói chuyện với anh L nhằm giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị Th cũng đã nhiều lần nhờ Công an xã can thiệp khi anh L dùng bạo lực với chị Th, bản thân chị Th đã từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án vào các năm 2008 và 2017, nhưng sau đó được gia đình chồng tác động nên chị Th rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên đến nay tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh L cũng không thể cải thiện được, do đó anh chị đã ly thân không sống chung với nhau được hơn 01 năm nay. Chị Th cảm thấy mâu thuẫn giữa chị và anh L đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Chị Th đã được Thẩm phán phân tích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Hoài Th và anh Hồ Đức L có 02 con chung là Hồ Đức M, sinh ngày 05-11-2002 và Hồ Đức Th, sinh ngày 31-10-2012. Chị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại phiên tòa chị Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 16-5-2018, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Hồ Đức L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 10-02-2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh chị cũng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, tuy nhiên theo anh mức độ mâu thuẫn không trầm trọng như chị Th đã trình bày. Do đó chị Th nộp đơn xin ly hôn, bản thân anh còn thương vợ, thương con nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên anh nhận thấy, bản thân chị Th thật sự kiên quyết ly hôn nên nếu chị Th muốn ly hôn thì anh yêu cầu chị Th phải thỏa Th, giải quyết dứt điểm vấn đề chia tài sản chung.

Về con chung: anh và chị Th có 02 con chung là Hồ Đức M, sinh ngày 05-11-2002 và Hồ Đức Th, sinh ngày 31-10-2012. Tại phiên tòa anh L đồng ý giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh L thu nhập thấp, chỉ đủ nuôi sống bản thân nên anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền, lợi ích của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: xét mâu thuẫn hôn nhân giữa các đương sự là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng; bản thân bị đơn cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn; mặc dù nguyên đơn kiên quyết ly hôn nhưng bị đơn không đồng ý và yêu cầu nguyên đơn phải thỏa Th giải quyết dứt điểm vấn đề chia tài sản chung. Do đó căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung: giao cả 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nguyên đơn xin rút yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng; nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn khởi kiện 13-4-2018 của chị Th đúng hình thức, nội dung quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của chị Th là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; anh L cư trú tại làng B, xã D, huyện G nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài Th:

Chị Th và anh L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10-02-2003 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai. Việc chị Th, anh L kết hôn đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về điều kiện kết hôn, đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của anh L và chị Th là hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng giữa anh L và chị Th phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau về công việc cũng như trong đời sống hàng ngày, anh L đã có sử dụng bạo lực trong cuộc sống. Mặc khác, dù anh L và chị Th tự nguyện đăng ký kết hôn nhưng không có quá trình tìm hiểu nhau trước khi đăng ký kết hôn và không sống chung cùng nhau, do vậy quan điểm sống của anh L và chị Th không hợp nhau, cuộc sống gia đình thường phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian chung sống chị Th đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Thực tế, anh L và chị Th đã sống ly thân từ tháng 7-2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L và chị Th để hòa giải đoàn tụ nhưng chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, việc anh L không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th không xuất phát từ tình cảm vợ chồng mà xuất phát từ vấn đề tài sản chung, anh L chỉ đồng ý ly hôn khi anh L và chị Th thỏa Th xong việc chia tài sản chung.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài Th.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Th:

Chị Nguyễn Thị Hoài Th và anh Hồ Đức L có 02 con chung là Hồ Đức M, sinh ngày 05-11-2002 và Hồ Đức Th, sinh ngày 31-10-2012. Xét thấy cháu Th đang còn nhỏ và đã ở với chị Th từ bé còn cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ; chị Th có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi cả 02 cháu nên giao cả 02 cháu M, Th cho chị Th trực tiếp nuôi là phù hợp với thực tế và vẫn đảm bảo sự phát triển toàn diện, bình thường của các cháu.

Tại phiên tòa chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: anh L và chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hoài Th ly hôn với anh Hồ Đức L.
2. Về con chung: giao 02 con chung là Hồ Đức M, sinh ngày 05-11-2002 và Hồ Đức Th, sinh ngày 31-10-2012 cho chị Nguyễn Thị Hoài Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu Hồ Đức M và Hồ Đức Th thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Hồ Đức L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004723 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-10-2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- TAND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND huyện Ia Grai (01b);
- CCTHADS huyện Ia Grai (01b);
- UBND xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai (01b);
- Lưu: HSPA, VT-LT (02b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Văn Quảng